

Số: 2520/SNN-KHTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2018

V/v báo cáo kết quả thực hiện các chính sách về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện.

Kính gửi: - UBND các quận, huyện, thị xã trên địa bàn Thành phố;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố;
- Ban Duy tu các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được ý kiến chỉ đạo của UBND Thành phố tại phiếu xử lý văn bản số 6997 ngày 28/8/2018 của Văn phòng UBND Thành phố về việc Báo cáo kết quả thực hiện các chính sách di dân, tái định cư dự án thủy lợi, thủy điện, để có cơ sở báo cáo UBND Thành phố, Sở Nông nghiệp và PTNT Hà nội đề nghị UBND các quận, huyện, thị xã trên địa bàn Thành phố; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT thành phố Hà Nội; Ban Duy tu các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nội dung sau:

- Nghiên cứu văn bản số 6209/BNN-KTHT ngày 14/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và rà soát các dự án được giao triển khai thực hiện báo cáo kết quả thực hiện các chính sách di dân, tái định cư theo cả hình thức bằng tiền (nếu có) các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn Thành phố theo mẫu đề cương tại văn bản số 6209/BNN-KTHT ngày 14/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Tổng hợp báo cáo của các đơn vị gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT trước ngày 15/9/2018 để Sở tổng hợp báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

(có gửi kèm theo văn bản số 6209/BNN-KTHT ngày 14/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Đề nghị các đơn vị khẩn trương khẩn trương, triển khai thực hiện. / *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng UBND Thành phố (để b/c);
- Đ/c GD Sở, đ/c PGD Sở phụ trách khối;
- Chi Cục thủy lợi;
- Lưu VT, KHTC, Th. *[Chữ ký]*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
[Chữ ký]
Phạm Văn Khương



**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **6209/BNN-KTHT**

V/v báo cáo kết quả thực hiện
các chính sách di dân, tái định cư
dự án thủy lợi, thủy điện

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2018

VĂN PHÒNG	
ĐẾN	Số: 6997
Ngày	28.8
Chức vụ	
Lưu hồ sơ số	

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Hà Nội

Thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới, trong đó, giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng “Đề án hoàn thiện các chính sách về di dân, tái định cư dự án thủy lợi, thủy điện để hỗ trợ, tạo điều kiện cho người dân tái định cư ổn định cuộc sống, tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội cơ bản” và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trong năm 2019.

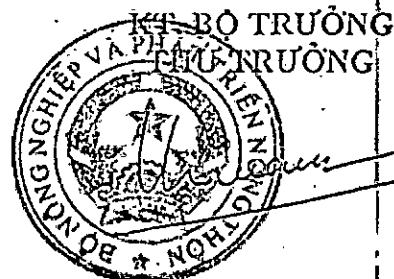
Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các chính sách về di dân, tái định cư dự án thủy lợi, thủy điện và thực trạng đời sống, sản xuất của người dân tái định cư theo Đề cương chi tiết kèm theo; trong đó, đặc biệt đánh giá kỹ những tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện các chính sách về di dân, tái định cư và đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách cho phù hợp với điều kiện thực tế nhằm tạo điều kiện cho người dân tái định cư ổn định cuộc sống, tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội cơ bản.

Đề nghị UBND các tỉnh, thành phố hoàn thành báo cáo gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 10/9/2018 theo địa chỉ: Số 2, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội và hòm thư điện tử: sonnt.ptnt@mard.gov.vn hoặc sonlv.ptnt@mard.gov.vn để Bộ tổng hợp, xây dựng và hoàn thiện Đề án trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt làm cơ sở để các Bộ, ngành Trung ương và địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

Nơi nhận:

- Như trên (UBND các tỉnh, thành phố);
- Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường (b/c);
- Lưu: VT, KTHT.

Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ với Ông Nguyễn Thanh Sơn,
Cục Kinh tế hợp tác và PTNT, điện thoại: Cơ quan:
024.38434675, Di động: 0904.1080.15.



Trần Thanh Nam

VĂN PHÒNG UBND TP HÀ NỘI

Kính gửi : Đ/c Nguyễn Văn Sửu

PHIẾU XỬ LÝ VĂN BẢN

- Số đến: 6997

Số công văn: 6209/BN/N/KTHT

- Ngày ký: 14/08/2018

- CQ gửi: Bộ Nông nghiệp và PTNT

- Ngày in phiếu: 28/8/2018-14:21

Ý KIẾN ĐỀ XUẤT CỦA LÃNH ĐẠO VP

- Tóm tắt: Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị Báo cáo kết quả thực hiện các chính sách di dân, tái định cư dự án thủy lợi, thủy điện. Hạn gửi trước 10/9/2018,

Ý KIẾN CỦA LÃNH ĐẠO UBND TP

- Chánh Văn phòng: Kính trình Phó Chủ tịch Thường trực xem xét, giao GĐ Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu, báo cáo.

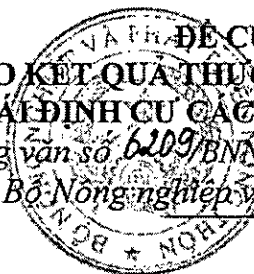


28-8-

Ngày: 28/8/2018



ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH
VỀ DI DÂN, TÁI ĐỊNH CƯ CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI, THỦY ĐIỆN
(Kèm theo Công văn số *6209/BNN-KTHT* ngày *14* tháng 8 năm 2018
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Các dự án di dân, tái định cư các công trình thủy lợi, thủy điện
(bao gồm: công trình đã hoàn thành và công trình đang thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư)

Tổng hợp, thống kê số lượng các dự án thủy lợi, thủy điện phải thực hiện công tác di dân, tái định cư trên phạm vi toàn tỉnh, trong đó nêu rõ số lượng dự án đang thực hiện công tác di dân, tái định cư; số dự án đã hoàn thành công tác di dân, tái định cư; số hộ, số khẩu phải di dời, tái định cư; tổng vốn bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Trong tổng số các dự án di dân, tái định cư trên, chia ra số dự án do EVN, doanh nghiệp làm chủ đầu tư; số dự án do địa phương (tỉnh, huyện) làm chủ đầu tư.

2. Các dự án ổn định đời sống, sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện

a) Các dự án ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư trước thời điểm Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành (nếu có).

b) Các dự án Dự án ổn định đời sống, sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện theo quy định tại Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng số cócông trình thủy lợi, thủy điện có di dân, tái định cư thuộc phạm vi điều chỉnh và điều khoản chuyển tiếp quy định tại Điều 1 và Điều 23 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ phải lập Dự án ổn định đời sống, sản xuất cho người dân sau tái định cư. Trong phần này yêu cầu phải nêu rõ căn cứ pháp lý của từng công trình (Các văn bản do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, Thủ tướng chấp thuận chủ trương đầu tư, Thủ tướng phê duyệt dự án đầu tư; Năm hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư...);

(Tổng hợp chi tiết từng dự án theo Phụ biểu 1 đính kèm)

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DI DÂN, TÁI ĐỊNH CƯ

1. Kết quả thực hiện dự án di dân, tái định cư các công trình thủy lợi, thủy điện

1.1) Về Quy hoạch chi tiết các khu, điểm tái định cư

- Số khu, điểm tái định cư đã lập là:khu, điểm tái định cư, trong đó đã phê duyệt:khu, điểm tái định cư;

- Số khu, điểm tái định cư chưa phê duyệt, nguyên nhân.

1.2) Về di chuyển dân và ổn định đời sống, sản xuất:

a) Tổng số hộ phải di chuyển theo quy hoạch là:hộ, khẩu.

Tổng số hộ đã di chuyển là:hộ, khẩu; trong đó:

- Tái định cư tập trung: hộ,khẩu;

- Tái định cư xen ghép: hộ,khẩu;

- Tái định cư tự nguyện: hộ,khẩu.

b) Số hộ chưa ổn định đời sống, sản xuất là:hộ, khẩu.

Trong đó:

- Đã bỏ đi nơi khác hoặc quay trở về nơi ở cũ để sinh sống là hộ,khẩu;

- Chưa được cấp đủ đất theo quy định của dự án, đời sống còn khó khăn: hộ,khẩu;

- Đi làm thuê, công việc, thu nhập không ổn định: hộ,khẩu.

(Tổng hợp chi tiết từng dự án theo Phụ biểu 2 đính kèm)

1.3) Về công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư

- Theo Quy hoạch chi tiết Khu, điểm tái định cư được duyệt

+ Tổng số phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư là: phương án, với tổng kinh phí là triệu đồng;

+ Tổng số hộ, tổ chức, cơ quan được bồi thường, hỗ trợ tái định cư là:hộ, tổ chức.

- Kết quả thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư

+ Tổng số phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt là:phương án, với tổng kinh phí là triệu đồng;

+ Tổng số hộ, tổ chức, cơ quan được bồi thường, hỗ trợ tái định cư là:.....hộ, tổ chức;

+ Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư đã giải ngân là: triệu đồng.

(Tổng hợp chi tiết từng dự án theo Phụ biểu 3 đính kèm)

1.4) Về công tác thu hồi đất

- Tổng diện tích đất thu hồi theo quy hoạch (cả nơi đi và nơi đến) là ...ha, trong đó: Đất nông nghiệp là ... ha; Đất phi nông nghiệp là:..... ha; Đất chưa sử dụng là:... ha.

- Kết quả thực hiện thu hồi đất: Tổng diện tích đất đã thu hồi (cả nơi đi và nơi đến) làha, trong đó: Đất nông nghiệp là ha; Đất phi nông nghiệp là :..... ha; Đất chưa sử dụng là: ha.

(Tổng hợp chi tiết từng dự án theo Phụ biểu 4 đính kèm)

1.5) Về công tác giao đất

- Theo Quy hoạch chi tiết khu, điểm tái định cư được duyệt: Tổng diện tích đất phải giao làha, giao cho hộ; trong đó: Đất nông nghiệp là ha; Đất phi nông nghiệp là ha (trong đó đất ở làm²); Đất chưa sử dụng là:..... ha.

- Kết quả thực hiện giao đất: Tổng diện tích đất đã giao làha, giao cho hộ; trong đó: Đất nông nghiệp là ha, bình quân:ha/hộ; Đất phi nông nghiệp là:..... ha (trong đó: đất ở làm²; bình quân làm²/hộ); Đất chưa sử dụng là ha.

(Tổng hợp chi tiết từng dự án theo Phụ biểu 4 đính kèm)

1.6) Kết quả đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng tại khu điểm tái định cư thuộc các dự án thủy lợi, thủy điện (nước sinh hoạt, điện sinh hoạt, giao thông, thủy lợi, trạm y tế, trường học,...)

- Tổng số dự án thành phần theo quy hoạch khu, điểm tái định cư được duyệt là dự án, với tổng mức đầu tư là triệu đồng.

- Tổng số dự án thành phần đã hoàn thành đưa vào sử dụng: dự án, với tổng mức đầu tư làtriệu đồng.

(Tổng hợp chi tiết từng dự án theo Phụ biểu 5 đính kèm)

1.7) Kết quả thực hiện vốn đầu tư Dự án di dân, tái định cư các công trình thủy lợi, thủy điện.

Kết quả thực hiện như bảng sau:

TT	Các hạng mục	Tổng vốn đầu tư được duyệt (tỷ đồng)	Tổng kế hoạch vốn đã giao (tỷ đồng)	Kết quả giải ngân đến tháng 6/2018 (tỷ đồng)	Kết quả quyết toán đến tháng 6/2018 (tỷ đồng)
	TỔNG CỘNG				
1	Bồi thường, hỗ trợ TĐC				
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng				
3	Chi phí khác và dự phòng				

(Tổng hợp chi tiết từng dự án theo Phụ biểu 6 đính kèm)

2. Đánh giá tổng quát kết quả thực hiện dự án di dân, tái định cư các công trình thủy lợi, thủy điện

- a) Mặt được;
- b) Tồn tại hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện;
- c) Đề xuất giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG, SẢN XUẤT CHO NGƯỜI DÂN SAU TĐC CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI, THỦY ĐIỆN

1. Kết quả thực hiện

a) Các dự án ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư trước thời điểm Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ (nếu có).

- Tóm tắt quyết định phê duyệt Dự án của Thủ tướng Chính phủ;
- Kết quả thực hiện các nội dung trong quyết định phê duyệt Dự án của Thủ tướng Chính phủ;
- Tồn tại vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Dự án;

b) Các dự án Dự án ổn định đời sống, sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện theo quy định tại Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiến độ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; Lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện Dự án ổn định đời sống, sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh theo: Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg; Luật Đầu tư công; Các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Đánh giá tổng quát kết quả thực hiện Dự án ổn định đời sống, sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện

- Mặt được;
- Tồn tại hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện;
- Đề xuất giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế.

IV. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG ĐỜI SỐNG, SẢN XUẤT CỦA NGƯỜI DÂN TÁI ĐỊNH CƯ VÀ MỨC ĐỘ TIẾP CẬN CÁC DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA NGƯỜI DÂN TÁI ĐỊNH CƯ

1. Thực trạng đời sống, sản xuất của người dân sau tái định cư

- Đánh giá thực trạng đời sống của người dân tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện (như: thu nhập bình quân đầu người; tỷ lệ hộ nghèo; tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch, vệ sinh môi trường, sử dụng điện sinh hoạt, nhà ở ...).

- Đánh giá thực trạng sản xuất của người dân tại các khu, điểm tái định cư (về trồng trọt, chăn nuôi, trồng và chăm sóc rừng, ...); tình hình tiêu thụ sản phẩm nông sản của các hộ dân tại các khu, điểm tái định cư, những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.

- Về đào tạo, việc làm tại các khu, điểm tái định cư: Đánh giá chung về thực trạng đào tạo, việc làm của người dân tái định cư thuộc các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn; nguồn thu nhập chính của người dân tái định cư.

2. Đánh giá thực trạng khả năng và cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân tái định cư.

Để thực hiện đúng mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ Chính phủ đề ra tại Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017, đề nghị đơn vị đánh giá kỹ, nhằm phản ánh đúng thực tế về khả năng và cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân tại các khu, điểm tái định cư dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh. Dịch vụ xã hội cơ bản, bao gồm:

- Giáo dục cơ bản: Trình độ giáo dục của người lớn, tình trạng đi học của trẻ em, ...;

- Y tế cơ bản: Tiếp cận các dịch vụ y tế; bảo hiểm y tế, ...;

- Nhà ở: Chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người;

- Điều kiện sống: Nước sạch và Vệ sinh môi trường.

- Tiếp cận thông tin: Sử dụng dịch vụ viễn thông; tài sản phục vụ tiếp cận thông tin,

(Tổng hợp chi tiết theo Phụ biểu 7, 8 đính kèm)

V. ĐÁNH GIÁ CÁC CHÍNH SÁCH VỀ DI DÂN, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THỦY LỢI, THỦY ĐIỆN

1. Liệt kê các chính sách di dân, tái định cư mà dự án đã thực hiện (Từ khi thực hiện đến khi kết thúc dự án).

* Các quy định của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương về di dân, tái định cư (chỉ nêu tên văn bản mà dự án áp dụng):

- Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất;

- Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg ngày 8/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chính sách đặc thù về di dân, TĐC các dự án thủy lợi, thủy điện;

- Các chính sách khác: nêu rõ tên văn bản quy định.

* Các quyết định, quy định cụ thể hóa của địa phương (tỉnh).

-

2. Đánh giá những tồn tại, hạn chế của các chính sách di dân, tái định cư mà dự án đã và đang áp dụng thực hiện

Căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quy định về chính sách di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện (như: Nghị định số 47/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ; Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ ...); các văn bản hướng dẫn thực hiện của các Bộ, ngành Trung ương (như: *Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 22/2015/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ...*) và quá trình tổ chức triển khai thực hiện các chính sách trên của địa phương (việc cụ thể hóa các chính sách trên và kết quả thực hiện, ...), đề nghị đơn vị tổng hợp đánh giá một cách khách quan, khoa học về **những mặt còn tồn tại, hạn chế** hiện nay.

Trên cơ sở đó, đề xuất **sửa đổi** các chính sách chưa phù hợp, chưa chặt chẽ và **bổ sung** các chính sách chưa có cho phù hợp với điều kiện thực tế, làm cơ sở để Bộ Nông nghiệp và PTNT tổng hợp và hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ quyết định nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện cho người tái định cư ổn định cuộc sống, tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội cơ bản.

Nội dung cần tập trung đánh giá những tồn tại, hạn chế của các chính sách. Ngoài ra, việc đánh giá các chính sách cần so sánh đối tượng được hưởng chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên cùng một địa bàn với các dự án thực hiện chính sách chung và dự án áp dụng theo chính sách đặc thù riêng; đánh giá sự phù hợp của các chính sách so với điều kiện thực tế. Tập trung vào một số chính sách chủ yếu sau:

- Chính sách bồi thường về đất đai;
- Chính sách bồi thường về hoa màu, tài sản trên đất;
- Chính sách bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại;
- Chính sách bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ;
- Chính sách hỗ trợ xây dựng nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở tại điểm tái định cư;
- Chính sách hỗ trợ ổn định đời sống (gồm: lương thực; y tế; giáo dục; điện thắp sáng; chất đốt);
- Chính sách hỗ trợ sản xuất và các hỗ trợ khác;

- Chính sách xây dựng khu, điểm tái định cư;
- Các chính sách hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư;
- Các chính sách khác có liên quan khác.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất: Sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách hiện hành (về cơ chế quản lý thực hiện; các chính sách cần sửa đổi, bổ sung),.....: nêu cụ thể Khoản, Mục, Điều nào trong các chính sách hiện hành khi thực hiện gặp khó khăn, vướng mắc; nên sửa đổi bổ sung như thế nào để thực hiện ở các dự án tiếp theo thuận lợi hơn ...

2. Giải pháp thực hiện;

3. Kiến nghị các Bộ ngành Trung ương và Thủ tướng Chính phủ./.

Phụ biểu 1

TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI, THỦY ĐIỆN CÓ DI DÂN, TÁI ĐỊNH CƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH.....
(Kèm theo Công văn số 6209/BNV-KTHT ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên dự án	Văn bản chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt đầu tư dự án của các cấp (Số, ngày tháng năm)				Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	Trong đó: Vốn bởi nước, hỗ trợ, đi dân tái định cư (tỷ đồng)	Số hộ tái định cư (hộ)	Số hộ bị ảnh hưởng (hộ)	Năm hoàn thành di chuyển dân	Chủ đầu tư Dự án di dân, TĐC	Tiền độ lập Dự án ổn định đời sống, sản xuất cho người dân sau TĐC theo Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg (nếu có)
		Số văn bản do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, Thủ tướng chấp thuận chủ trương đầu tư	Số Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ	Số Quyết định phê duyệt của các Bộ, ngành Trung ương	Số Quyết định phê duyệt của UBND cấp tỉnh và tương đương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Các dự án thủy điện											
1	Dự án thủy điện ...											
2	...											
...												
II	Các dự án thủy lợi											
1	Dự án Thủy lợi ...											
2	...											
...												

Ghi chú: Cột (7) là tổng mức đầu tư theo Quyết định phê duyệt dự án

Cột (8) là vốn đầu tư hợp phần (hoặc dự án) bởi thường, hỗ trợ, tái định cư

Cột (13) ghi rõ: Đã lập hoặc đang lập hoặc chuẩn bị lập (chỉ ghi đối với các dự án thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/1/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ DI CHUYỂN DÂN VÀ BỐ TRÍ VÀO CÁC KHU, ĐIỂM TÁI ĐỊNH CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN, THỦY LỢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Công văn số 6209 /BN-NTHT ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

[illegible]

Phụ biểu 3

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ
CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI/ THỦY ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Kèm theo Công văn số 6209 /BNN-KTHT ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Các dự án di dân, TĐC	Theo quy hoạch được duyệt				Kết quả thực hiện bồi thường, hỗ trợ đến tháng 6/2018							
		Số phương án	Diện tích đất phải bồi thường (ha)	Số hộ, tổ chức, cơ quan	Kinh phí (Tỷ đồng)	Số phương án được duyệt	Diện tích đất bồi thường (ha)	Số hộ, tổ chức, cơ quan	Kinh phí được duyệt (Tỷ đồng)	Kết quả giải ngân		Kết quả quyết toán	
										Giá trị (Tỷ đồng)	Đạt so với KP được duyệt (%)	Giá trị (Tỷ đồng)	Đạt so với KP được duyệt (%)
	CỘNG TOÀN TỈNH												
I	CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN												
1	Dự án di dân, TĐC công trình thủy điện.....												
2	Dự án di dân, TĐC công trình thủy điện.....												
...	...												
II	CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI												
1	Dự án di dân, TĐC công trình thủy lợi.....												
2	Dự án di dân, TĐC công trình thủy lợi.....												
..	..												

Ghi chú: Tổng hợp số liệu tính từ thời điểm khởi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện đến nay.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THU HỒI ĐẤT, GIAO ĐẤT THUỘC CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI, THỦY ĐIỆN CÓ DI DÂN, TĐC - TỈNH
(Kèm theo Công văn số 6209/BNN-KTHT ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Các loại đất thuộc phạm vi của các dự án di dân, tái định cư các công trình thủy điện/thủy lợi	THU HỒI ĐẤT			GIAO ĐẤT			
		Diện tích thu hồi theo quy hoạch		Kết quả thu hồi đất đến tháng 6/2018		Tổng diện tích phải giao theo quy hoạch		Kết quả giao đất đến tháng 6/2018
		Diện tích (ha)	Số hộ	Diện tích (ha)	Số hộ	Diện tích (ha)	Số hộ	
	CỘNG TOÀN TỈNH							
-	Đất nông nghiệp							
-	Đất phi nông nghiệp							
+	Trong đó: Đất ở (m2)							
-	Đất chưa sử dụng							
I	CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN							
-	Đất nông nghiệp							
-	Đất phi nông nghiệp							
+	Trong đó: Đất ở (m2)							
-	Đất chưa sử dụng							
1	Dự án thủy điện.....							
-	Đất nông nghiệp							
-	Đất phi nông nghiệp							
+	Trong đó: Đất ở (m2)							
-	Đất chưa sử dụng							
2	Dự án thủy điện.....							
...	...							
II	CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI							
-	Đất nông nghiệp							
-	Đất phi nông nghiệp							
+	Trong đó: Đất ở (m2)							
-	Đất chưa sử dụng							
I	Dự án thủy lợi.....							
-								

Ghi chú: Tổng hợp số liệu tính từ thời điểm khởi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện đến nay.

Phụ biểu 5

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH CƠ SỞ HẠ TẦNG TẠI CÁC KHU, ĐIỂM TÁI ĐỊNH CƯ THUỘC CÁC DỰ ÁN DI DÂN, TÁI ĐỊNH CƯ THỦY LỢI, THỦY ĐIỆN TỈNH

(Kèm theo Công văn số 6209 /BNN-KTHT ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Các công trình CSHT thuộc các DA di dân, TĐC công trình thủy điện/thủy lợi	Theo Quy hoạch khu, điểm TĐC		Kết quả thực hiện đến tháng 6/2018			Ghi chú
		Tổng số dự án thành phần (<i>Nước sinh hoạt, thủy lợi, giao thông, điện sinh hoạt, trường học, trạm y tế, ...</i>)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Công trình hoàn thành và bàn giao			
				Số công trình (Dự án)	Vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Kết quả giải ngân (Tỷ đồng)	
	TOÀN TỈNH						
I	CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN						
1	Dự án di dân, TĐC công trình thủy điện.....						
2	Dự án di dân, TĐC công trình thủy điện.....						
...	...						
II	CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI						
1	Dự án di dân, TĐC công trình thủy lợi.....						
2	Dự án di dân, TĐC công trình thủy lợi.....						
...	...						

Ghi chú :

- Tổng hợp số liệu từ khi triển khai thực hiện Dự án di dân, tái định cư đến nay.
- Các dự án thành phần gồm: Nước sinh hoạt, điện sinh hoạt, đường giao thông, thủy lợi, trường học, trạm y tế, ... được xây dựng từ nguồn vốn đầu tư Dự án di dân, tái định cư công trình thủy lợi/thủy điện.

Phụ biểu 6

TỔNG HỢP VỐN ĐẦU TƯ VÀ KẾT QUẢ GIẢI NGÂN DỰ ÁN DI DÂN, TÁI ĐỊNH CƯ

CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN, THỦY LỢI - TỈNH.....

(Kèm theo Công văn số 6209 /BNN-KTHT ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Các hạng mục	Vốn đầu tư hợp phần (hoặc dự án) bồi thường, hỗ trợ, tái định cư				Tổng kế hoạch vốn đã giao (tỷ đồng)	Kết quả giải ngân đến tháng 6/2018				Kết quả quyết toán đến tháng 6/2018
		Tổng số (tỷ đồng)	Trong đó:				Tổng cộng (tỷ đồng)	Trong đó:			
			Bồi thường, hỗ trợ tái định cư (tỷ đồng)	Xây dựng cơ sở hạ tầng (tỷ đồng)	Chi phí khác và dự phòng (tỷ đồng)			Bồi thường, hỗ trợ tái định cư (tỷ đồng)	Xây dựng cơ sở hạ tầng (tỷ đồng)	Chi phí khác và dự phòng (tỷ đồng)	
I	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12
	TOÀN TỈNH										
I	CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN										
1	Dự án di dân, TĐC công trình thủy điện.....										
2	Dự án di dân, TĐC công trình thủy điện.....										
...	...										
II	CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI										
1	Dự án di dân, TĐC công trình thủy lợi.....										
2	Dự án di dân, TĐC công trình thủy lợi.....										
...	...										

Giải chú: các công trình CSHT gồm: Nước sinh hoạt, điện sinh hoạt, đường giao thông, thủy lợi, trường học, trạm y tế, ...được xây dựng từ nguồn vốn đầu tư Dự án di dân, tái định cư công trình thủy lợi/thủy điện.

Phụ biểu 7

TỔNG HỢP THỰC TRẠNG ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN VÙNG TÁI ĐỊNH CƯ ĐẾN THÁNG 6 NĂM 2018
CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN, THỦY LỢI - TỈNH.....

(Kèm theo Công văn số 6209/BNN-KTHT ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Các tiêu chí	Thu nhập BQ của dân TĐC (triệu đồng/người/năm)		Hộ nghèo		Nhà ở của hộ tái định cư			Nước sinh hoạt		Điện sinh hoạt		Về sản xuất tại các khu, điểm tái định cư			Đào tạo, việc làm		
		Số hộ TĐC là hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ hộ TĐC nghèo/tổng số hộ TĐC (%)	Số nhà ở của hộ tái định cư (nhà)	Tỷ lệ nhà ở kiến trúc đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng (%)	Tỷ lệ nhà ở chưa đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng (%)	Tỷ lệ hộ TĐC được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (%)	Tỷ lệ hộ TĐC được sử dụng điện sinh hoạt (%)	Số hộ TĐC được sử dụng điện sinh hoạt (hộ)	Tỷ lệ hộ TĐC được sử dụng điện sinh hoạt (%)	Số hộ TĐC được sử dụng điện sinh hoạt (hộ)	Tỷ lệ hộ TĐC được sử dụng điện sinh hoạt (%)	Tổng số phương án sản xuất đã phê duyệt (phương án)	Kinh phí duyệt (Triệu đồng)	Kinh phí giải ngân (Triệu đồng)	Số lao động là người dân TĐC được đào tạo chuyên môn (người)	Số lao động TĐC sau đào tạo có việc làm (người)	Tỷ lệ người dân tái định cư trong độ tuổi lao động chưa có việc làm (%)
I	CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN																	
1	Dự án thủy điện ...																	
2	Dự án thủy điện ...																	
...	...																	
...	...																	
II	CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI																	
1	Dự án thủy lợi ...																	
2	Dự án thủy lợi ...																	
...	...																	
...																		

Ghi chú: Biểu này chỉ tổng hợp số liệu của các Dự án thủy điện, thủy lợi đã hoàn thành đi chuyển dân đến các khu, điểm tái định cư.

Phụ biểu 8

**TỔNG HỢP THỰC TRẠNG TIẾP CẬN CÁC DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA NGƯỜI DÂN TẠI ĐỊNH CƯ
CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN, THỦY LỢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH.....**

(Tính đến tháng 6 năm 2018)

(Kèm theo Công văn số 6209/BNN-KTHT ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Các tiêu chí	Giáo dục		Y tế		Nhà ở		Điều kiện sống		Thực trạng tiếp cận thông tin	
		Số hộ có ít nhất 1 thành viên đủ 15 tuổi không tốt nghiệp THCS và hiện không đi học (Hộ)	Số hộ có ít nhất 1 trẻ em trong độ tuổi đi học (5 - 14 tuổi) hiện không đi học (Hộ)	Số hộ gia đình có người bị ốm đau nhưng không đi khám chữa bệnh (Hộ)	Số hộ có ít nhất 1 thành viên từ 6 tuổi trở lên hiện tại không có bảo hiểm y tế (Hộ)	Số hộ đang ở trong nhà thiếu kiên cố hoặc nhà đơn sơ, tạm (Hộ)	Số hộ có diện tích nhà ở bình quân đầu người của hộ nhỏ hơn 8m2 (Hộ)	Số hộ không được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh (Hộ)	Số hộ không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh (Hộ)	Số hộ không có người nào sử dụng điện thoại và internet (Hộ)	Số hộ không có tài sản nào trong số các tài sản: Tivi, đài, máy vi tính và không nghe được hệ thống loa đài truyền thanh xã/thôn (Hộ)
I	CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN										
1	Dự án thủy điện ...										
2	Dự án thủy điện ...										
...	...										
...	...										
II	CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI										
1	Dự án thủy lợi ...										
2	Dự án thủy lợi ...										
...	...										
...											

Ghi chú: Biểu này chỉ tổng hợp số liệu của các Dự án thủy điện, thủy lợi đã hoàn thành di chuyển dân đến các khu, điểm tái định cư